

Số: 46/TB-HĐND

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XII

Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XII được tổ chức vào ngày 15/4/2022, tại Hội trường 2/9, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tham dự Kỳ họp có 64/71 vị đại biểu HĐND tỉnh và 28/29 đại biểu khách mời gồm: Thường trực Tỉnh ủy; đại biểu Quốc hội đang công tác tại tỉnh; UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh và đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh thông báo kết quả của kỳ họp như sau:

I. XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, BÁO CÁO TRÌNH TẠI KỲ HỌP

Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh đã thảo luận, xem xét và thống nhất thông qua **10** dự thảo nghị quyết và **02** báo cáo do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Gia Lai năm 2022.

- Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 24.859 người.

- Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là 1.714 người.

- Tổng chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP) trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là 1.391 chỉ tiêu.

2. Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc quyết định Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch văn hoá đồi thông kết hợp du lịch sinh thái, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Tên nhiệm vụ quy hoạch: Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch văn hóa đồi thông kết hợp du lịch sinh thái.

- Tính chất quy hoạch: Là khu du lịch văn hóa kết hợp du lịch sinh thái gắn với các giá trị về cảnh quan tự nhiên, văn hóa, lịch sử tại khu vực.

- Mục tiêu quy hoạch

+ Cụ thể hóa Quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và đề án

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018.

+ Trên cơ sở những thế mạnh sẵn có của cảnh quan khu vực quy hoạch để tái hiện, gìn giữ, phát huy và khai thác di sản văn hóa của các dân tộc tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

+ Hình thành một khu du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí, cây xanh, thể dục thể thao với môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển khu du lịch theo định hướng phát triển chung của tỉnh.

+ Làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước triển khai quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Phạm vi nghiên cứu và ranh giới quy hoạch

+ Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch thuộc ranh giới hành chính xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và phường Diên Hồng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

+ Ranh giới nghiên cứu quy hoạch:

Phía Đông: Giáp với khu dân cư phường Diên Hồng và phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku;

Phía Tây: Giáp với đất của làng Jut 1, Jut 2 và đất nông nghiệp thuộc xã Ia Dêr, huyện Ia Grai;

Phía Nam: Giáp với đất nông nghiệp, đường Nguyễn Văn Cừ thuộc thành phố Pleiku và Tỉnh lộ 664 thuộc xã Ia Dêr, huyện Ia Grai;

Phía Bắc: Giáp với khu làng Klăh 1 của xã Ia Dêr, huyện Ia Grai và đường Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku.

- Dự báo quy mô quy hoạch

+ Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 125 ha-130 ha (diện tích nghiên cứu sẽ được xác định cụ thể trong bước lập đồ án quy hoạch phân khu).

+ Dân số dự kiến trong Khu du lịch: Dân số quy đổi khoảng 500 người.

+ Dự báo lượng khách du lịch trung bình tại khu vực nghiên cứu: 20.000 khách/năm.

- Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD và các quy định khác liên quan.

- Hồ sơ sản phẩm quy hoạch

Thực hiện theo Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định khác liên quan.

- Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022.

3. Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trang thiết bị Bệnh viện vệ tinh ung bướu - Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh: “Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu xạ trị và trang thiết bị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh do Sở Y tế quản lý dự án”.

- Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh: “Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi): (i) Đầu tư 01 Máy gia tốc tuyến tính đa năng lượng (máy xạ trị); (ii) Xây dựng mới Khu xạ trị: Diện tích xây dựng 790 m² đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế; (iii) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ”.

- Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh: Tổng mức đầu tư dự kiến: 73,292 tỷ đồng (*Bảy mươi ba tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn*).

- Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh.

4. Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai (vốn trong cân đối theo tiêu chí).

- Điều chỉnh giảm 115.064 triệu đồng vốn trong cân đối theo tiêu chí của vốn đối ứng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới.

- Bổ sung Dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai”, vay vốn ADB vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số vốn bổ sung là 115.064 triệu đồng từ vốn trong cân đối theo tiêu chí của vốn đối ứng cho các dự án ODA dự kiến khởi công mới”.

5. Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương.

Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương: 141,564 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí: Bố trí 43 tỷ đồng cho 01 dự án hoàn thành sau năm 2022.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: Bố trí 98,564 tỷ đồng cho 02 dự án hoàn thành sau năm 2022.

6. Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc kéo dài kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách địa phương sang năm 2022 tiếp tục thực hiện và giải ngân.

Thống nhất kéo dài kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương tiếp tục triển khai thực hiện và thanh toán là 363.151,165 triệu đồng:

- Vốn ngân sách tỉnh đầu tư: Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 321.311,415 triệu đồng với 37 dự án, 01 nhiệm vụ quy hoạch, vốn điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố, đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Vốn ngân sách tỉnh phân cấp huyện, thị xã, thành phố đầu tư: Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 36.385,287 triệu đồng với 28 dự án và 17 nhiệm vụ quy hoạch.

- Vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã đầu tư: Tổng vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 là 5.454,464 triệu đồng với 06 dự án và 04 nhiệm vụ quy hoạch.

7. Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để xây dựng Dự án nhà máy xử lý rác thải tại xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Diện tích rừng xin chuyển đổi là 6,08 ha.
- Hiện trạng: Rừng trồng thông ba lá trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp.
- Vị trí: Thuộc lô 20, khoảnh 1, tiểu khu 395 thuộc xã Gào - thành phố Pleiku.

8. Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

9. Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức chi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(1) Mức chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật

- Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp tỉnh tổ chức

ST T	Nội dung	Mức chi tiền thưởng (đơn vị tính: Đồng)			
		Giải A	Giải B	Giải C	Giải Khuyến khích
I	Cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng				
1	Giải toàn đoàn	6.000.000	5.000.000	4.000.000	3.000.000
2	Giải thể loại				
a	Đơn ca	1.000.000	800.000	600.000	400.000
b	Song ca, tam ca	1.500.000	1.300.000	1.000.000	700.000
c	Múa	1.500.000	1.300.000	1.000.000	700.000
d	Nhạc cụ	1.500.000	1.300.000	1.000.000	700.000
e	Tốp ca	1.700.000	1.500.000	1.300.000	1.000.000
f	Giới thiệu sách	1.000.000	800.000	600.000	400.000
g	Bình sách	1.000.000	800.000	600.000	400.000
h	Kể chuyện	1.000.000	800.000	600.000	400.000
i	Kịch	2.000.000	1.600.000	1.200.000	900.000
II	Triển lãm trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh				
1	Giải tác phẩm mỹ thuật	3.000.000	2.500.000	2.000.000	1.500.000
2	Giải tác phẩm nhiếp ảnh	1.500.000	1.200.000	900.000	600.000

- Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp huyện tổ chức bằng 70% mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

- Mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp xã tổ chức bằng 50% mức chi tiền thưởng tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

- Số lượng giải thưởng (Giải A, Giải B, Giải C, Giải Khuyến khích) tại các hoạt động văn hóa, nghệ thuật không quá 35% số lượng tác phẩm, tiết mục tham dự. Trong đó: Số lượng Giải A không vượt quá 35% tổng số lượng các Giải B, Giải C và Giải Khuyến khích.

(2) Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

- Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật như sau:

+ Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp tỉnh tổ chức:

Số TT	Thành phần nhân sự	Mức bồi dưỡng (đơn vị tính: Đồng/người/buổi)
1	Ban Tổ chức	- Trưởng ban: 220.000 - Phó Trưởng ban: 170.000 - Thành viên: 150.000
2	Hội đồng Nghệ thuật (Hội đồng Giám khảo)	- Chủ tịch Hội đồng: 600.000 - Phó Chủ tịch Hội đồng: 500.000 - Thành viên: 400.000
3	Thư ký	300.000
4	Dẫn chương trình	300.000
5	Các tiểu ban	- Trưởng Tiểu ban: 150.000 - Phó Trưởng Tiểu ban: 120.000 - Thành viên: 100.000
6	Bộ phận kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, màn hình Led	150.000
7	Hậu đài phục vụ sân khấu	100.000

+ Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp huyện tổ chức bằng 70% mức bồi dưỡng cho thành phần nhân sự tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

+ Mức bồi dưỡng cho các thành phần nhân sự tham gia tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật do cấp xã tổ chức bằng 50% mức bồi dưỡng cho thành phần nhân sự tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

+ Trường hợp 01 người được phân công tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật thì chỉ được hưởng 01 mức bồi dưỡng cao nhất.

10. Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

DVT: Đồng

Số TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh	11.200

II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động	30.800
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	165.591
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	120.191
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp	
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000

11. Báo cáo về việc giao vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2020 cho các dự án khẩn cấp trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2020 theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Chính phủ bố trí cho 05 dự án với tổng số vốn 120 tỷ đồng, bao gồm:

- + Dự án Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai xã Ia Broãi, huyện Ia Pa: 18 tỷ đồng.
- + Dự án Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai xã Đăk Rong, huyện Kbang: 17 tỷ đồng.
- + Dự án Bố trí dân cư vùng thiên tai xã Ayun, huyện Chư Sê: 05 tỷ đồng.
- + Dự án Bố trí ổn định dân cư tự do tại xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện: 20 tỷ đồng.

+ Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Pai và hồ chứa nước Hoàng Ân, huyện Chư Prông: 60 tỷ đồng.

- Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2020 theo Quyết định số 2255/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Chính phủ bố trí cho 01 dự án Đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Pnôn vào Đồn Biên phòng 725; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Puch qua trạm kiểm soát 383/Đồn Biên phòng 727; đường từ Quốc lộ 14C xã Ia Mơ vào Đồn Biên phòng 731 (giai đoạn 1): 40 tỷ đồng.

12. Báo cáo việc bố trí kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 và phương án đảm bảo kinh phí để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 năm 2022.

(1) Việc bố trí kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021

- Tổng số kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 đã tạm cấp năm 2021: 301.149,18 triệu đồng, gồm các nguồn sau:

+ Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm: 190.401,05 triệu đồng.

+ Nguồn Quỹ dự trữ tài chính: 80.000 triệu đồng.

+ Nguồn Cải cách tiền lương: 9.680,7 triệu đồng.

+ Nguồn phân bổ dự toán đầu năm 2021: 343,13 triệu đồng.

+ Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021: 20.724,3 triệu đồng.

- Tổng kinh phí đã thực chi để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 từ nguồn ngân sách nhà nước của các đơn vị khối tỉnh là: 250.931,714 triệu đồng.

(2) Dự kiến kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 năm 2022 của các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện năm 2022 của ngân sách cấp tỉnh: 202.702,052 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn kinh phí đảm bảo:

+ Ngân sách Trung ương (*dự kiến ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện cách ly y tế, khám, chữa bệnh và chế độ phụ cấp chống dịch trong phòng, chống dịch Covid-19 quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ*): 34.687,282 triệu đồng (49.553,26 triệu đồng x 70%).

+ Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo: 168.014,77 triệu đồng.

II. NỘI DUNG THẢO LUẬN

Tại kỳ họp có 02 ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đại diện lãnh đạo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh trao đổi làm rõ các nội dung đại biểu quan tâm.

Qua các ý kiến thảo luận, Chủ tọa kỳ họp, ông Hồ Văn Niên - Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh kết luận: Việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng được kết hợp thực hiện lồng ghép từ nhiều chương trình. Để thực hiện tốt Chương trình này ngoài trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cần phải có sự vào cuộc của cả hệ

thống chính trị. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh khi triển khai thực hiện Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phải phân công nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm cho từng sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường công tác giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm thực hiện có hiệu quả các Dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là nội dung về kết quả Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XII. Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phối hợp cùng Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các cấp trên địa bàn ứng cử tổ chức tiếp xúc cử tri, báo cáo kết quả kỳ họp, đồng thời, xây dựng kế hoạch, tăng cường các hoạt động giám sát nhằm đảm bảo việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh nghiêm túc, có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành của tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, CTHĐND.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Đạt

